

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 132/TTr-SNN&PTNT ngày 18/6/2018 (kèm theo Công văn số 1346/STNMT-TNN ngày 19/03/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 151/SC-KT ngày 19/03/2019 của Công ty TNHH MTV Sông Chu),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Danh sách các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo Khoản 3, Điều 57, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ: Chi tiết có danh sách kèm theo.

2. Hình thức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 58, Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/11/2018.

3. Mức chi trả và xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 59, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, cụ thể: Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước cho sản xuất kinh doanh là 50 đồng/m³.

Khối lượng nước để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là khối lượng nước cơ sở sản xuất công nghiệp đã sử dụng tính theo đồng hồ đo nước, hoặc theo lượng nước được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác, hoặc theo chứng từ mua bán nước giữa cơ sở sản xuất công nghiệp với đơn vị kinh doanh nước.

Số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng khối lượng nước (m^3) do cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng (x) nhân với mức chi trả dịch vụ môi trường rừng tính trên $1 m^3$ nước ($50 \text{ đồng}/m^3$).

4. Thời điểm thực hiện việc chi trả: Từ ngày 01/01/2019 (ngày Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ có hiệu lực thi hành). Riêng với các cơ sở, nhà máy đi vào hoạt động sau ngày 01/01/2019, thời điểm chi trả được tính từ ngày cơ sở, nhà máy đi vào hoạt động có sử dụng nước.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan để triển khai, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quyết định của UBND tỉnh; chỉ đạo Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và PCTT tỉnh làm việc cụ thể với từng cơ sở sản xuất công nghiệp có tên trong danh sách để xác định số tiền chi trả, làm cơ sở cho việc ký kết hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng giữa Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thanh Hóa với các cơ sở, doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định của pháp luật khác liên quan. Định kỳ, Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức rà soát, lập danh sách bổ sung các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp phát sinh thuộc đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức ký kết hợp đồng, tiếp nhận các khoản tiền nộp ủy thác của các cơ sở sản xuất công nghiệp chi trả dịch vụ môi trường rừng; lập kế hoạch quản lý, sử dụng báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

3. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước phục vụ sản xuất công nghiệp chịu trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác và phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật và quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị, địa phương có liên quan, theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT, Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả quyết định này và thực hiện đầy đủ chính sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

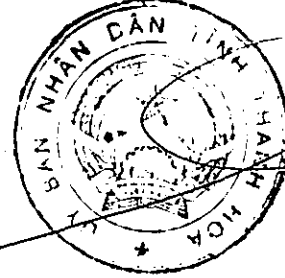
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và Phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các DN có tên trong danh sách;
- Lưu: VT, NN.
(MC80.6.19)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền



Phụ lục 01: DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CÓ SỬ DỤNG NƯỚC TRỰC TIẾP TỪ NGUỒN NƯỚC PHẢI CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: 2521 /QĐ-UBND ngày 25 / 6 / 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Nguồn nước sử dụng của cơ sở sản xuất công nghiệp (lưu vực sông)	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	Xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống	Sông Yên	
2	Doanh nghiệp Hải Sâm	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	Kênh Vĩnh Hùng	
3	Công ty Cổ phần luyện kim Thanh Hóa	252, phường Ba Đình, TP Thanh Hóa	Sông Cầu Chày	
4	Xưởng sản xuất tấm lợp fibroximang- Công ty CP Lilama 5	Khu 9, Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn	Suối Dục Hồ	
5	Nhà máy Đúc cán phôi thép- HTX Cổ phần Đúc Đạt	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung	Sông Chiêu Bạch	
6	Nhà máy chế biến tinh bột Sắn Như Xuân	Xã Hóa Quý, huyện Như Xuân	Sông Quyền	
7	Công ty TNHH MTV Lam Sơn Thanh Hoá	Xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc	Hồ chứa Làng Muôn	
8	Công ty Cổ phần Nam Cảnh	Xã Quảng Hưng, Đông Hải, Tp Thanh Hoá	Sông Mã	
9	Công ty Cổ phần Giấy bao bì Thanh Hóa	Số 268, Bà Triệu, Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Sông Cầu Hạc	
10	Nhà in báo Thanh Hóa	Xã Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa	Kênh Bắc - Sông Chu	
11	Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	Suối Vực	
12	Công ty Cổ phần TM Vận tải và Chế biến Hải sản Long Hải	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	Hồ Hao Hao	
13	Công ty Cổ phần Sông Việt Thanh Hóa	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	Sông Bạng	
14	Công ty TNHH Wellnion	Xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia	Sông Bạng	
15	Nhà máy chế biến tinh bột sắn Bá Thước	Xã Thiết Ống, huyện Bá Thước	Sông Mã	
16	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	Sông Nông Giang	

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Nguồn nước sử dụng của cơ sở sản xuất công nghiệp (lưu vực sông)	Ghi chú
17	Công ty TNHH Châu Tuấn	Xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	Sông Than	
18	Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	Hồ Cánh Chim, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn	Hồ Cánh Chim	
19	Công ty TNHH Duyệt Cường	Xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa	Sông Mã	
20	Công ty TNHH Trần Anh	Xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân	Suối Đường	
21	Cổ phần Giấy và bao bì Bỉm Sơn	Xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn	Sông Tống	
22	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trường Thành	Xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa	Sông Mã	
23	Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	Kênh chính Bái Thượng	
24	Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Thái Dương	Phố Nói A, Văn Lâm, Hưng Yên	Hồ Gắm	
25	Công ty Cổ phần Shakito-Vũ	Phường Tô Hiệu, TP Sơn La	Sông Chu	
26	Công ty CP Đầu tư phát triển sản xuất nhập khẩu An Phước	Phố Hoa Bằng, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, HN	Suối Hón Lim	
27	Công ty TNHH chế biến hải sản Ngọc Sơn	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	Sông Bạng	
28	Tổng Công ty Đầu tư Hà Thành – Công ty Cổ phần - Nhà máy BTLD Việt Nhật	Cụm Công Nghiệp xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	Kênh Nam	
29	Công ty Cổ phần Vạn Lộc Xuân	Lô A3, Khu Công nghiệp Triệu Sơn	Kênh Nam Bái Thượng	
30	Công ty Cổ phần Việt Thanh VnC	Số 92, Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, TP Thanh Hóa	Hồ Công Khê	
31	Công ty Bia Thanh Hóa	Số 152, Quang Trung, phường Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa	Kênh Bắc Bái Thượng	
32	Công ty Cổ phần Gang thép Nghi Sơn	Khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia	Hệ thống cấp nước thô Nghi Sơn	

Ghi chú: Khối lượng nước để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là khối lượng nước cơ sở sản xuất công nghiệp đã sử dụng, tính theo đồng hồ đo nước hoặc theo lượng nước được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác hoặc theo chứng từ bán nước giữa cơ sở sản xuất công nghiệp với đơn vị kinh doanh nước.